

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

SỰ TÍCH ĐỨC TỪ THÁNH TỔ

TỰA

Ai ơi ! những lúc gió thét, bụi tung, lửa thiêu, nắng đốt, é-chề trong cõi sa-bà, bỗng được vịn cây trèo đá, đứng đỉnh núi Thầy, thăm hoa cỏ, hỏi gió mây, thu non sông vào cặp mắt, chẳng cũng (hào) lắm sao ?

Những lúc bề danh chìm nổi, đường lợi gập-ghình mỗi-một trong vòng tranh-cạnh, bỗng được vào nằm trước hang Thành-Hóa, gối đá màn mây, nghe chuông chiều, lắng kệ sớm, chẳng cũng (thú) lắm sao ?

Những lúc lăn-lóc bứt nghiền, loay-hoay mây-móc, óc đang mồi, mắt đang mờ, bỗng được đến am Hiền-thụy, thăm dấu Từ-sư, đặt mình vào địa vị thần-tiên : tay gầy tích, lưng túi thuốc, chữa đời đau óc đau tim, chẳng cũng (phúc) lắm sao ?

Hỡi khách dăng-lâm ! non xanh, nước biếc, ai kẻ điểm-tô? cảnh cũ, người xưa, dấu là dấu-vết? há phải tự-nhiên mà được hưởng cái (hào) ấy, cái (thú) ấy, cái (phúc) ấy? Vậy phải hỏi đến đức thánh Từ.

Nay tựa

Trung-tuần, tháng sáu nhuận, năm Canh-ngọ.

Chùa Cao trên Sài-sơn xuất-bản và giữ bản-quyền

Non cao nước thẳm, khí thiêng đức lẫm anh-kỳ,
động thánh hang thần, lối cũ còn nhiều dấu-vết.
Đã ở đời sau, phải biết chuyện trước. Đức Đạo-Hành
họ Từ, tên Lộ, nhà ở làng Láng, (Yên-lãng huyện
Hoàn-long, tỉnh Hà-dông.

Thánh-phụ tên là Vinh, theo đạo Phật, làm quan
Triều-Lý, đến chức Tăng-quan Đò-sát. Thánh-mẫu họ
Tăng, tên là Loan.

Một đêm kia, Tăng-thị dắc diệp đang nồng, thấy
một đoá sen đỏ mọc trên bàn tay trái, sắc loả sáng
rực, hương bay thơm nức, đặt mình tỉnh dậy, biết
là chiêm-bao. Bởi đó, trong mình rạo-rực, liền có
mang mà sinh đức Từ.

Khi ngài ra đời, có vẻ tiên phong đạo cốt, Thuở
trẻ, tinh hào-hiệp, thích chơi-bời, lỗi-lạc có chí lớn;
đi đứng, làm-lụng, người đời khó lường biết được.
Ngài chơi thân với ông đồ Phí-sinh, đạo-sĩ Lê-toàn-
Nghĩa và linh-nhân Phan-Ất. Đêm thì ngọn đèn quyền
sách, chăm-chỉ dùi-mài. Ngày thì tìm thú mua vui :
dã cầu, thổi sáo, đánh bạc. Thấy Ngài lêu-lồng
buông-luồng, cha hằng quở-trách.

Một đêm, cha ngò vào phòng, thấy đèn xanh le-
lói, quyền vàng ngồn-ngang, con đang tựa án thiêu-
thiu, song tay vẫn không rời quyền sách. Bởi vậy,

biết con không phải là người biếng học, nên cũng không lo-ngại nữa.

Năm sau, đi thi (Tăng-quan ngự-thi Bạch-liên khoa,) Ngài đỗ đầu, thật là bổ công dùi mài đèn sách.

Nhà đang vui-vẻ, bỗng đâu sấm nổi đất bằng! Sỗ là thánh-phụ giỏi thuật Bạch-liên, rất khéo biến hình giấu dạng, ngấm vào gian-thông với vợ Diên-thành-hầu. Hầu tức lắm, bèn mời Pháp-sư Lê-dại-Diên, người làng Dịch-vọng, huyện Từ-liếm, đến trừ. Khi Diên đến, yểm bùa làm phép, trao chỉ ngũ-sắc cho vợ Diên-thành-hầu và dặn rằng : (Đặt chỉ ngang bụng, hề thấy khác, thì quẩn lại.) Đêm đến, phu-nhân thấy động, bèn làm theo như phép Đại-Diên đã dặn. Tiếng kêu vừa vang, đèn đuốc đã đến, người ta hết sức tìm-kiếm, chẳng thấy gì cả. Ngó lên giá áo trên tường, bỗng thấy lòng-thông sợi chỉ, Diên lôi xuống, té ra là một con rắn lớn. Đánh chết, xác rắn thành ngay hình người. Diên bèn ném thầy xuống sông Tô-lich.

Khi tử-thi trôi đến cầu Tây-dương trước nhà Diên-Thành-Hầu, thì đứng dựng lên, lấy tay chỉ vào nhà Hầu, suốt ngày không trôi đi nữa. Hầu sợ, chạy vội đến nói với Đại-Diên, Diên đến đọc kệ rằng :

(Sãi giận điều gì, không giận trót đêm. Vả, sống

là trường chơi, chết thành Bồ-tát)

Dứt tiếng, xác liền ngã xuống, trôi đến xứ Hàm-long xóm Hạ-dinh, xã Nhân-mục (làng Mộc), thì ngừng lại. Vì thiêng, nên làng Mộc vớt lên chôn cất và lập miếu thờ Giỗ nhằm ngày mồng mười tháng giêng. Còn Tăng-thị sau cũng tạ-thế, táng ở chùa Hoa, làng làng Thượng-yên-quyết, (tức làng Yên-hòa bây giờ) giỗ nhằm ngày mồng mười tháng tư.

Dẫu rằng làm-lỗi tại cha, nhưng đạo làm con không lẽ quên thù mà deo lấy nhục. Ngày đêm Ngai tỉnh rửa hờn, khổn nỗi chưa tìm được kế. Một bữa, rình Đại-diên ra đi, Ngai toan dùng phép lấy gậy đánh vào bóng Diện, thì bỗng nghe trong không có tiếng mắng rằng : Thôi thôi !) Ngai biết phép mình chưa thắng được Diện, bèn bỏ gậy về nhà, tức-bực đau-dớn, Muốn sang học phép Phật để chống lại Diện, liền cùng hai bạn là Minh-không và Giác-hải cùng đi học đạo.

Khi đến nước rợ Kim-Sĩ, đường-xá hiểm-trở, khó lòng đi được, muốn trở về. Bỗng thấy một cụ già cỡi chiếc thuyền nhỏ, chơi lượn trên sông, ba người cùng đến hỏi rằng :

(Thưa cụ, chúng tôi muốn sang Tây-thiên học đạo đến đây lạc đường, không biết còn bao đường-dắt thì đến nước đó ?) Cụ già đọc kệ :

Lẽ đạo đường đi, ai cũng cần.
Có công hay học, ắt nên thân.
Muôn trùng lặn - lội bao nài nhọc.
Mấy lúc sông Hoàng thấy thánh-nhân.

道 理 當 然 路 共 行
多 功 遠 學 必 成 名
汪 洋 萬 派 何 勞 涉
指 日 河 清 覩 聖 生

Độc dứt, cụ lại nói : (Đường núi gập-ghình, không thể đi bộ được. Lão đây có một cái thuyền và một cây gậy. Thuyền để đi, gậy để chèo, chẳng bao lâu sẽ đến Tây-thiên. Vây xin tặng để giúp thành cái chí các ông. Ba người lĩnh tạ, chèo thuyền cầm gậy ra đi. Giây-lát đã đến bến Tây-thiên.

Ở đó có nhiều thần-thông phép lạ, vàng đỏ rải đất, cây báu đầy đường, chim kêu kết thành khúc nhạc, sen nở to như bánh xe, thật là quang-cảnh một nước cực-lạc. Ngài giữ thuyền, để cho Minh Không Giác-Hải lên bờ học trước.

Một ngày, hai ngày, ba ngày, neo thuyền đợi mãi, chẳng thấy tăm hơi hai bạn đầu cả. Bỗng gặp một Cụ già ra sông gánh nước. Ngài bèn hỏi : (Thừa cụ, có thấy hai người đi qua không ?) Cụ già đáp :

(Hai người được ta truyền dạy phép thiêng, đắc-
đạo về rồi) Ngài bèn kể rõ nòng-nối ba anh em
cùng đi học đạo, bây giờ giữa đường bỏ nhau, thật
lấy làm tức mình lắm.

Nghe đoạn, cụ già nói : (Không hề chi !) liền sai
gánh hai sọt nước về. Sọt thừa mà nước không chảy.
Ngài lấy làm lạ lắm.

Khi về tới nhà, cụ dạy đủ các phép lạ, phép
rút đất và kinh Đại-Bi-Đà-La-Ni.

Ngài giận hai bạn lỗi hẹn, bèn đọc chú, làm cho
Minh-Không Giác-Hải đi đến nửa đường, đau bụng
không sao nhìn được. Ngài lại làm phép rút đường
về trước, núp trong bụi cây làng Ngải-cầu, huyện
Từ-liêm, hóa hình làm hổ, cất tiếng gầm thét, vang
động cả trời đất. Hai bạn lòng sáng trí lanh, biết
ngay là Từ-Đạo-Hành, bèn cười mà rằng : (Muốn
làm kiếp ấy, kiếp sau được làm)

Thấy nói như vậy, Ngài vội xin lỗi hai bạn mà
rằng : (Trót sai một li, khó khỏi truy-lạc ! Kiếp
sau nếu tôi không may nữa phải chứng ấy, thì
bình quỷ thuốc tiên, đường mé đuốc sáng, xin
nhờ hai Sư-huynh nhớ cứu cho) Hai bạn nhận lời

Tan hết giận cũ, kết làm anh em, Ngài hơn tuổi,
làm anh cả; Minh-Không kém tuổi, làm em thứ;
Giác-Hải ít tuổi hơn, làm em rốt. Nơi Ngài hóa hình
đó nay gọi là Cầu-beo, có đền thờ.

Từ đó, ba người cùng truyền phép linh : nào cõi mây, nào đi nước, nào khiến cọp, nào sai rồng rút đất, lên trời, muôn kỳ, nghìn quái.

Sau Minh-Không và Giác-Hải từ-giã Ngài, về ở chùa Giao-thủy. Còn Ngài thì về tu-luyện ở chùa Sài-Sơn (chùa Thầy)

Trước cửa chùa có hai cây thông cổ, người bấy giờ gọi là cây rồng. Hằng ngày Ngài thường chuyên chì bài chú (Đại-bi Đà-la-ni). Mỗi khi tụng hết một lần, thì thông rụng một lá. Tụng hết ức vạn lượt, hai cây đều biến mất cả. Ngài biết đức Quan-âm đã hộ-trì mình rồi.

Một hôm, có bốn người chân không tới đất, đến trước mặt Ngài, bạch rằng : (Chúng tôi là Tứ-chấn thiên-vương, thấy công-dec thầy đã tròn, nên đến hầu thầy sai khiến.)

Ngài biết mình nay phép-thuật đã cao, thù cha phải trả, bèn chớ về Yên-lăng là nơi làng cũ, thân đến cầu Yên-quyết (tức gọi là cổng Cót) trên sông Tô-lich, thả gậy trên nước. Nước chảy xuôi, gậy trôi ngược, nhanh như bay, tới nhà Đại-Điện thì ngừng lại. Ngài nhìn lên trên không, thấy im-lặng, chứ không có tiếng (thôi, thôi) như trước nữa. Điện thấy bèn nói : (Người không nhớ chuyện ngày trước sao ?) Gậy liền bay lên, đánh Điện chết. Xác đó

hị ném xuống sông Tô. Nay ở Tiền-thôn xã Dịch-vọng, tức làng cũ của Đại-Điên, có đền thờ ông ấy.

Thù xưa đã trả, lòng tục cũng tan, Ngài bèn vân-du các cảnh, hỏi đạo tham-thiền. Nghe nói đức Cao-tri-Huyền là bậc đạo cao đức cả, hiện đang trụ-chi ở miền Thái-Bình, ngài đến yết kiến, hỏi kệ (thật lòng)

Kệ rằng :

(Cõi trần-dày đoạ đã bao lâu !
(Nào biết vàng đâu? lòng thật đâu ?
(Phương-tiện dám xin thầy chỉ-bảo ,
(Đến bên bờ-thụ cắt dây sầu.)

久 混 凡 塵 未 識 金
不 知 何 處 是 眞 心
願 垂 指 教 開 方 便
擬 向 菩 提 斷 苦 尋

Đức Tri-huyền đọc kệ đáp rằng :

(Giá đạo nghìn vàng, qui đã lâu.
(Lòng thiền trắng tỏ, phải tìm đâu ?
(Cát sông là đạo bờ-dề đấy,
(Lọ phải xa xa, lọ phải sâu ?)

秘訣眞傳值萬金
个中滿月露禪心
河沙境是菩提道
不必菩提隔萬尋

Ngài còn mơ-hồ chưa hiểu, bèn đến chùa Pháp-vân, hội-diện với đức Sùng-phạm, hỏi thế nào là (thật lòng.) Đức Sùng-phạm đáp: (Cái gì cũng là thật lòng cả.) Bấy giờ Ngài mới tỉnh biết.

Đoạn, ngài lại về ở chùa Sài-Sơn, tu-luyện như trước. Từ đó, phép Phật càng cao, lòng thiền càng tỏ. Chim núi thú rừng, lân-la quen người. Nhân-dân bốn phương rủ có tật-dịch, hễ được phù-chủ Ngài cho, liền có hiệu-nghiệm. Đem đạo giúp đời, nhiều người được nhờ ơn lắm. Công trong, công ngoài, tu tuệ, tu phúc, Tây-thiên tưởng cũng không xa.

Có người hỏi Ngài rằng: (Đi, đứng, nằm, ngồi đều là lòng Phật hết thấy, vậy thế nào là lòng Phật?) Ngài đọc kệ rằng:

(Có làm, có cát bụi !

(Không, thì hết thấy không.

(Có, không như trắng nước.

(Đừng mắc có, không không.)

有 空 月 空
沙 切 水 空
塵 一 如 有
有 空 空 著
作 爲 有 勿

Lại đọc một bài kệ nữa:

- (Thỏ, ác mọc đầu non,
- (Hột châu chẳng ai còn.
- (Người giàu có con ngựa,
- (Bỏ ngựa, đi ton ton !

頭 珠 子 駒
岩 失 駒 騎
出 盡 有 不
月 人 人 行
日 人 富 步

Chẳng dè cái thù ở sông Tô, oan báo đến kiếp nữa. Số là, sau khi Diên chết, thầy theo dòng nước trôi đến bến Tung làng Trường-hương. Xác thịt dầu nát, tinh-anh hãy còn, Đại-Diên nhập vào cái mo cau, mo khô rơi xuống, thành một đứa trẻ lớn bằng đứa bé lên ba, biết nói. Tự xưng là con vua, tên gọi Giác-hoàng.

Bấy giờ vua Lý-Nhân-Tôn không con, cầu đầu cũng chẳng ứng-nghiem, Vua lấy làm lo về đường tự tục lắm. Tháng ba năm Ất-vị, niên-hiệu Tường-phù Đại-khánh thứ ba, có người phủ Thanh-hoa dâng thư tâu rằng: (Hiện ở bến Tung ngoài bãi bể thuộc làng Trường-hương, có một đứa trẻ kỳ-dị, tự xưng là con vua, diện-mạo tốt-đẹp, nói-năng thông-minh, hiểu-biết nghĩa-lý mọi việc, phàm Bê-hạ làm gì, nó đều biết hết)

Vua bèn sai quan Trung-sứ đến coi, thì quả-nhiên như lời người đó đã nói, liền đón về Kinh, cho ở tại chùa Báo-thiên. Thấy đứa bé đó ngô-nghĩnh thông-minh, Vua yêu-dấu lắm, muốn ban chiếu lập làm Hoàng-thái-tử. Song quần-thần không bằng lòng, dâng biểu cố can rằng:

(Ôi ! quốc-gia là một vật lớn không phải chốc-lát mà lập được. Nay Bê-hạ nhờ tia sáng thần-thánh, được nối cái ngôi đế-vương, muôn năm nghìn kiếp, dòng-dõi không cùng. Từ khi trời đất mở-mang có nước đến giờ, chưa hề thấy ai đem vật quái-lạ, khác nòi khác họ mà vào nối ngôi chính-thống bao giờ. Vậy chúng tôi không dám phụng-chiếu. Nếu hấn có thực linh-dị, thì phải đầu thai trong cung mới được)

Vua nghe theo, bèn thiết đại-hội bảy ngày đêm

lập đàn đầu-thai ở chùa Bảo-thiên.

Nghe biết việc đó, đức Từ nghĩ bụng rằng: (Thằng quái con kia gạt người lắm nhỉ! Nỡ nào để nó làm mê lòng vua, khuấy rối đạo thật, ta chịu ngồi nhìn mà không cứu sao? Nếu nó đắc-chí, thì họ Từ nhà ta phỏng có toàn-vẹn? Ngai bèn bảo Từ-nương, chị mình, vẫn là một người thị-nữ trong cung và có chân túc trực ở thai-đàn, ngầm đem phù-chú treo trên màn).

Đàn lập đã được ba ngày, nhưng Giác-hoàng mắc hình, hình-vóc bơ-sờ. bèn tâu vua rằng: (Hiện nay lưới sắt dăng khắp trong nước, mấy lần cửa khóa, rất là cẩn-thận kỹ-càng, nghìn lớp hết đường không sao vào đầu-thai được! chắc là có người yểm bùa đấy.) Lời tâu chưa xong, hơi trần đã tắt. vua tức-nở thương-tiếc mà rằng: (Nếu ai yểm bùa tức là phản trẫm.) Liền sai khám-xét các nơi trong ngoài đạo trường, quả được vài đạo bùa treo trên màn thật. Đức vua nổi giận lôi-dinh, sai tra hỏi những người túc-trực, xem ai yểm bùa ở đó; Té ra là phạm túc trực của Từ-nương. Khi xét hỏi, thì Từ-nương khai có em là Từ-đạo-Hành bảo đem đề đó, chớ mình thực không biết gì hết.

Vua sai vời Ngai vào lầu Hưng-thánh. Bấy giờ là ngày mồng bảy tháng năm niên hiệu Tường-

phù đại-khánh, vua họp quần-thần bàn xử việc đó. Mọi người nói: (Bệ-hạ vi nay văn-tự, nên mới lập đàn, cầu xin Giác-hoàng thác-sinh, thế mà Đạo-hành dám làm cản-dỡ, chú-yểm như thế, thì phải trị nặng để tạ thiên-hạ.)

Duy có Hoàng-đệ Sùng-Hiền-Hầu vốn biết ngài là bậc chân-nhân đặc-đạo, bèn tâu rằng: (Đạo-hành có đủ lực-trí thần-thông, thiên-hạ biết tiếng đã lâu lắm. Nếu Giác-hoàng thật có thần-lực, Đạo-hành khi nào hại được? Như vậy, thì thần-thông linh dị, Đạo-hành trời hơn Giác-hoàng nhiều lắm. Nay vì Giác-hoàng mà nghị tội Đạo-hành, thì hai thần-thông đều mất, ích gì cho quốc-gia? Huống chi Đạo-hành có phép bay mình qua bể, chú miệng lấp sông, triều-đình đâu có cây kiếm núi đao, cũng chưa dễ làm gì được? Chi bằng mở lượng bao-dong, trước là tỏ được ơn rộng triều-đình, sau là lưu được tấm thân hữu-dụng! những lúc nước nhà có việc, thì Đạo-hành há chẳng hết sức báo-đáp, hoặc gọi mưa hoặc thét gió, giúp một tay trong cuộc tương-lai,? vậy xin bệ-hạ tha cho thì hơn.)

Vua ưng thuận lời tâu của Sùng-hiền-Hầu, truyền tha cho Đạo-hành, rồi bãi châu.

Ngài đến nhà Hầu tạ rằng: (May nhờ đại-nhân nừa lời nói giúp, khiến tấm thân này giữ được

ven-toàn, dầu rằng kết cỏ ngậm vành, chưa dễ đến được muôn một. Vậy xin đầu-thai làm con để tạ đức hậu.) Được lời, lòng Hầu như cỗi, vẻ mừng hiện ra nét mặt. Nhắm khi đó, phu-nhân đang tắm ở nhà sau, thỉnh-linh thấy bóng đức Từ hiện trong chậu nước, phu-nhân không biết đầu đuôi ra sao, sợ lắm, thuật cùng Hầu. Hầu liền nói rõ nguồn-cơn cho phu-nhân biết và dặn-dừng sợ. Cảm-dộng bởi ý tưởng-tượng, phu-nhân có thai. Sau Ngài từ-tạ trở về, lại nói với Hầu rằng: (Cái duyên tức-thể, sau thành tinh-nghĩa cha con, thể là ơn sâu mong trả nghĩa sâu, đây cũng cam, mà đây cũng hã. Nay phu-nhân đã mang thai, thì nước sẽ về tay Hầu.) Ngài lại dặn: (Khi nào phu-nhân rở dạ, xin báo cho biết trước.)

Ngày tháng tên bay, thắm-thoát đến kỳ trăng tròn hoa nở, phu-nhân mình-mẩy rung-dộng, khó dễ lắm. người nhà nói với Hầu, thì Hầu bảo rằng: (Sao không mau đến thưa với Từ-tôn-sư cho biết lành dữ.)

Non xanh bát ngát, mây trắng bao-la, cỏ mùa, hoa cười, gió đàn, chim hát. Bấy giờ vào đầu tháng ba, chúa xuân dương có ý thêu riêng tấm gấm thiên-nhiên phủ quanh am mây trên trái núi. Ngay tiền tháng phật, thầy trò đức Từ đang vui cùng câu kệ quyền kinh, bỗng thấy sứ-giả nhà Sùng-hiền-hầu đến

nói việc phu-nhân lâm-sân. Ngài chạnh lòng cảm thương, không sao cầm được nước mắt; rồi tắm gội thay quần áo, bảo các đệ-tử rằng: (Thầy đây tức-nhân chưa tròn, hãy còn nặng nợ hồng-trần, cho nên lại phải giáng sinh cõi đời, tạm làm quốc-vương. Khi nào thọ-mạng đã hết, thì thầy lại làm Tam thập tam thiên Nguyên-chủ. Bao giờ các con thấy xác thầy nát, thì chính là lúc thầy đã chứng đạo涅槃 mà không mắc vòng sinh-diệt nữa. Thôi, các con ở lại, cứ nên cố chí tu-hành, cho tròn quả phúc, có công mài sắt có ngày nên kim. Nếu thấy khó mà lui, ngại xa mà bỏ, thì bao công tu-luyện bấy lâu cũng sẽ theo đám mây trên đầu non kia mà bay đi mất sạch.) Nghe lời dạy-bảo, ai cũng cảm-dộng và thương-khóc. Đoạn, ngài đọc kệ rằng:

(Thu về, tin vắng nhận theo bay,
(Dề gọi lòng người nổi dằng-cay!
(Thôi, các môn đồ đừng quẩn-quít,
(Thầy xưa bảo độ lại thầy nay.)

秋	來	不	報	鴈	來	歸
易	使	人	間	動	發	悲
爲	報	門	徒	休	戀	著
古	師	幾	度	作	今	師

Nói dứt, ngài bèn lên động Sài-sơn, đập đầu vào đá mà hóa; cho nên ngày nay vẫn gọi động đó là hang Thánh-hóa.

Vào vòng bụi đỏ
Giã cảnh non xanh,
Vài mươi năm công tu-hành,
Núi Thầy giờ biết để dành cho ai ?

Khi ngài vào nát-bản, chính nhằm giờ ngọ ngày mồng bảy tháng ba năm Trường-phù Đại-khánh nhà Lý. Đến giờ mùi, thì ngài oe-oe, chào đời một tiếng khóc, làm con Sùng-hiền-hầu.

Cửa hầu thăm-thăm, ngụt-ngụt, những mùi giàu sang. Từ khi ngài lọt lòng ra đời, hay ăn chóng lớn, chứ không nhọc kẻ chăn-nuôi; mắt sáng tai thông, thật chẳng tổn công dạy-dỗ; người đẹp, tài cao, không ai sánh kịp. Thế mới biết thân sau một vị thần-thông cũng khác người thật.

Tháng giêng, mùa xuân, năm Đinh-dậu, vua Lý-nhân-tôn mộng thấy thần-nhân đọc bốn câu thơ:

(Mai một ăn trái ngọt,
(Mừng nay thấy thánh hiền;
(Không cầu, mà cũng được,
(Chỉ đợi đến ba niên.)

欲念未來菓
當今見聖賢

不求而自得 只是待三年

Trước đó, năm Nhâm-dần, vua đã bốn mươi bảy tuổi, chưa có con, toan hạ chiếu cầu con các hoàng-thần đem vào cung nuôi, nhưng vẫn chưa quyết. Đến nay, tháng mười một, năm Mậu-tuất, vua 53 tuổi, thể hạc đã cao, diêm hùng chưa mộng, bèn hạ chiếu bảo các hoàng-đệ là Sùng-hiến-hầu, Thành-khánh-hầu, Thành-quảng-hầu, Thánh-chiều-hầu và Thành-hưng-hầu dâng con vào cung để vua nuôi dạy, rồi chọn lấy người giỏi hơn, lập làm thái-tử.

Bấy giờ con Sùng-hiến-hầu mới lên ba tuổi, thông-sáng lanh-lẹ, hỏi một biết mười, khi thừa gửi, lúc tới lui, đều hợp ý vua cả; nên vua yêu-dấu lắm, đặt tên là Dương-hoán, phong làm Thiên-tử nghĩa-nam, rồi sách-lập làm hoàng-thái-tử, sai bà Thời-anh nguyên-phi đứng làm mẹ, trông-nom nuôi-nấng.

Đến năm Đinh-mùi, vua Lý Nhân-tôn đổi niên-hiệu làm Thiên-phù Thọ-thánh nguyên-niên. Ngày 22 tháng chạp, mùa đông năm đó, vua thăng-hà, thọ 62 tuổi.

Thái-tử-Dương-hoán, lúc thân sau Từ-thiên-sur, lên ngôi làm vua, ấy là Lý-thần-tôn. Bấy giờ mới 12 tuổi. Tháng giêng năm Mậu-thân, đổi niên-

hiệu làm Đại-thuận nguyên-niên. Đến năm Canh-tuất vua 15 tuổi, xuống chiếu bảo văn võ bách-quan phải dâng con gái để lựa vào cung, rồi mới được phép lấy chồng.

Năm Giáp-dần, niên-hiệu Thiên-chương-bảo-tự thứ hai, sai Du-đô làm hai nóc chùa Thiên-ninh và Thiên-thành, tò tượng Đế-thích. Vua thân ngự-giá đến xem.

Sau đó, năm Bính-dần, ông Du-đô mất, vua phong làm Thái-sur.

Một lời trót lỗ, nghiệp-chương khôn trừ. Bấy giờ vào hồi tháng ba năm Bính-thìn, vua mới 21 tuổi. Mơn-mởn mình rồng, hồng sinh lông móng; lở-lang lột hồ, chỉ chực thét gầm. Than ôi ! người ấy mà mắc bệnh ấy ! Triều-đình lo-sợ, tấp-nập thuốc thang; danh-y bốn phương chữa mãi không khỏi.

Nhắc lại Minh-không, Giác-hải từ khi từ-giã đức Từ về tu ở chùa Thần-quang (tục gọi chùa Keo, thuộc huyện Vũ-tiên, tỉnh Thái-bình) lòng thiền trắng tỏ, tuổi đạo non cao, mỗ gọi hồn mê, chuông khua mộng tục, thật là hai bó đuốc tuệ ở đời. Bỗng nay nghe tin Lý-hoàng hoá hổ, hai vị bảo nhau rằng, «Uả chà! Thừa trước Từ-huỳnh làm chơi, bây giờ hoá thật, tiền-nhân nay đã ứng rồi; chúng ta đối với Từ-huỳnh, tình như xương thịt, nghĩa tựa bề

non, há nên câu-nệ áo còn khác với ca-sa, ngồi nhìn mà không cứu-giúp?» Hai vị bèn đặt ca-dao cho trẻ con hát : «Tập-tầm-vòng, có ông Không-minh-Không chữa được Thánh-thiên-tử.»

Câu ca truyền rộng, thấu tai triều-dinh. Nhà vua bèn sai quan Trung-sứ đem sáu mươi người, bơi chèo đến chùa đón hai vị, bạch rằng: «Thưa hai Tôn-sư, tự-độ độ-nhân, đó là tôn-chỉ đạo Phật. Hiện nay vận nước không may, hoàng-đế mắc tật, hoá hình làm hổ, triều-dinh lấy làm lo lắng. Nhân nghe được câu đồng-dao, biết là ý trời đun-dủi, nên sai chúng tôi đến trước am mây, rước hai thầy ra chữa Hoàng-đế. Xưa kia, đức Thế-tôn còn thí thân cho hổ mẹ để cứu hổ con, huống này hai thầy đối với hoàng-đế, há lại mền thủ cổ hờn, mãi vui mây khói, làm lơ mà không cứu sao?» Hai vị gạt đầu, rồi lấy niêu con thối cơm thết khách, và nói: «Bần-lăng ít gạo, thối cơm bấy nhiêu, nhưng mời các chú hãy cứ ăn thử.»

Quan quân cùng ăn, cứ sỏi hết bát nọ đến bát kia, no-nê mà cơm vẫn thừa. Đoạn, hai vị và sứ-giả cùng xuống thuyền Minh-không bảo mọi người rằng: «chư quân hãy tạm nghỉ-ngơi, đợi nước triều lên rồi sẽ nhắm kinh thẳng chảy.» Nghe lời, chư quân đều nằm trong thuyền, ngủ cả. Sau hai vị làm phép,

thuyền đi như thoi. Hôm sau, đã đến Đông-tân, rồi mới gọi chúng tôi trở dậy. Chúng vừa mở mắt, đã thấy tháp chùa Bảo-thiên, lấy làm kinh-phục lắm. Đoạn, đón hai vị vào điện yên-nghỉ.

Bấy giờ các thầy áo rộng khăn dài xúng-xính lằng-xăng, dang lên mặt lương-y cả, thấy hai vị quê-mùa cục mịch, họ đều bệ-vệ ngồi tốt, không thêm đứng dậy. Hai vị muốn nên bợn họ cho chữa cái thói ngạo-nghe điên-cuồng, Giác-hải bèn móc túi lấy cái đinh sắt dài độ năm tấc, cắm vào cột trụ đèn rồng, vỗ tay dõng ngập xuống, rồi nói: «Nếu ai nhổ được đinh này, thì dang vào chữa bệnh hoàng đế». Hỏi đến hai ba lần, không ai dám trả lời cả. Minh-không liền lấy hai ngón tay trái, nhổ được cái đinh ra ngay. Các thầy bấy giờ mới kính phục cái phép của hai vị, bèn-lên kéo lằng không dám lên mặt và nói đến chữa thuốc nữa.

Hai vị sai lấy một cái vạc lớn, mười hai chai dầu, một trăm cái đinh, một cành hoe, rồi ném đinh vào trong vạc. Lửa cháy, vạc sôi, khói ngùn-ngụt, dầu sùng-sục, nóng quá sức Giác-hải thò tay vào vạc, lấy đủ 100 cái đinh; rồi nhường Minh, không làm phép: đem vua đến, vua vẫn găm thét như cọp. Minh-không quát lên rằng: (Đã làm thiên-tử cao-sang, sao lại mắc bệnh như thế?) Tiếng như

sấm vang, vua sợ lắm. Minh-không bèn lấy cành hòe nhúng vào dầu, rầy khắp mình vua, rồi lấy tay sát, làm như tắm vậy. Tay sát đến đầu, lòng móng rụng sạch đến dấy. Mây bay trắng tỏ, bụi sạch gương trong, vua lại làm vua như cũ.

Nhớ công ban thưởng, vua phong cho Minh-Không làm Phù-vân quốc-sư, ban quốc-tính cho Giác-hải thưởng cho hai vị 500 mẫu ruộng, 500 cân vàng. Hai vị lại cỡi bè nổi (1) trở về chùa cũ. Dem vàng vua cho sửa sang chùa-chiền.

Tháng tư năm Bính-thìn, vua Lý sinh hoàng-thái-tử. Đến ngày 26, tháng chín, năm canh-thân, vua băng, ở ngôi 14 năm, thọ 52 tuổi, miếu hiệu là Lý-Thần-Tôn. Ấy chính là thân sau đức Từ-Đạo-Hành vậy.

Sau khi vua băng-hà, nhà cũ làng Láng nhức động khi thiêng. Dân sở-tại đem việc đó tâu lên triều-đình. Tự-vương (Lý-Anh-Tôn) sai quan tra-xét biết rõ sự thật, bèn sửa đền thờ, phong miếu-hiệu, tôn làm Thượng-đẳng tối-linh-thần, sắc cho làng Láng làm dân tạo-lệ để thờ ngài.

Nhắc lại khi đức Từ cỡi sa lị (Tiếng nhà chùa chỉ về thi-thê hài-cốt của Phật) trong động bên chùa Sài-sơn, qua Lý đến Trần, qua Trần đến Hồ, rồi tới thời-kỳ

(1) Đức Đạt-ma cỡi cái bè nổi bằng cỏ vĩ từ Tây vực sang Tàu chuyên đạo Phật.

nội-thuộc nhà Minh bên Tàu, trải hơn ba trăm năm, vật đổi sao dời, thế mà xác ve vẫn không nát. Bấy giờ non sông nước Nam, quận-huyện người Bắc, Minh Trương-phụ đem quân đi tuần, chầy qua cửa hang Thánh-hoá, bỗng thấy mùi hương ngào-ngạt, bèn vào động xem, té ra xác ngài dầu chết, nét mặt vẫn tươi, như hầy còn sống. Tướng Minh cho là xác tiên, sai rước đến chùa Hương-sơn ở phía đông-nam núi Thầy, làm lễ hoả-táng, để lấy tàn tro tô tượng. Song đốt lửa đã đến bảy đêm, vẫn không thiêu được. Người Minh toan thôi, không thiêu nữa.

Đêm đến, tướng Minh mộng thấy một người bảo rằng: (Ta là Từ-đạo-Hành chân-nhân, giải thuế ở đây, trải từ Lý Trần đến nay, chân thân không nát, há phải bỗng nhưng mà được thế đâu? Nếu tướng-quân muốn biết cái phép linh-dị của ta, thì phải lấy gỗ ván-thời mà thiêu mới được).

Người Minh làm theo như lời thần-mộng, mới có kết-quả. Khi thiêu, khói lửa bốc lên, thành lệ-khi, quân Minh cảm-nhiễm, chết mất nhiều lắm. Đoạn, họ lấy tro đắp tượng: Mặt vuông, chán rộng, cằm nở, mắt sáng, tai to, da đỏ, gò má cao mà hơi nhẵn, mày cao, nhạt, dài, mà hơi bạc, trong thân-thể có cơ quan: ruồi ra co vào được. Tô tượng xong, bèn

để vào khám, thờ ở gian tả chùa cả (tức chùa Thiên-phúc) dưới chân núi thầy.

Trải bao dâu bể, dấu thiêng hãy còn. Về sau vua Lê-thánh-Tôn đẹp duyên với bà Trường-lạc qui phi, con gái quan Thái-úy Trinh-quốc-công khi qui-phi có thai, thì Trinh-quốc-công đến am đức Từ, lễ-bái kêu-cầu cho con gái: Nhắm lúc đang lễ, bỗng có hòn đá bay qua trước mặt, Trinh-quốc-công nhặt lấy, dấu kín đem về, sai thợ tạc pho tượng phật, trong để hòn đá ấy, rồi lập riêng một am để thờ. Khi Trinh-quốc-công sắp mất, cõ dặn lại rằng: (Bao giờ cái diềm đá bay ấy được ứng-nghiem, thì nên lập bia kỷ-sur, lưu-truyền dài lâu) Sau, quả-nhiên qui-phi có diềm rồng vàng bay vào nách tả, bèn sinh được hoàng-thái-tử, tức Lê-hiến-tôn. Đến đời Lê-Canh-hùng thứ ba, nhà vua theo lời di chúc của Trinh-quốc-công sai tạc tượng đồng để trong đồng Thánh-hoá, khắc bia vào núi và đặt tên đồng là Hiến-thụy-am. Hiện nay di-tích vẫn còn, có đủ tài-liệu cung nhà khảo-cổ.

Nhắc lại khi đức Từ sang Tây-thiên học đạo, sau về có để lại một hòm kinh, chân tảng ở chùa chiền thiên làng Láng. Đến rằm tháng năm, niên hiệu Thịnh-dức thứ tư đời Lê-trung-hưng, chúa Trịnh là Tĩnh-đô-vương đến chơi chùa Láng, tra-xét-sự-tích Người làng đó đem dâng một hòm trân-kinh, trong có đồng-thư bát-diệp, đều chữ chiện cả, chúa Trịnh

bèn sai chép lấy kinh ấy. Khi sao lục xong, thì chữ chiện tự nhiên biến mất, mà chữ viết ở bản sao cũng hoá ra giấy trắng cả. Chứa thấy anh linh khác thường, vội vàng tạ lễ về cung.

Gian giữa chùa Láng, đặt hai pho tượng: một pho ở trước phật Thế-tôn, mặc áo ca-sa; một pho ở trong khám, mặc áo cừn, đội mũ miện. Hằng năm, cứ đến mồng bảy tháng ba, làng Láng vào đám lễ-Năm nào mở hội to, thì rước tượng trong khám, dùng nghi vệ vua chầu, đến châu thành-mẫu ở đền Hoa-lăng. Khi kiệu đến bến sông-Tô, không chịu đi qua cầu Cót (cầu làng Hạ-yên-quyết bắc qua sông Tô), bèn lội qua sông. Có người nói: cầu đó làm bởi Đại-diên, nên đức Từ không thêm đi. Có người nói: đó là nơi ném thây thánh-phụ, nên không nỡ qua. Nay xét thêm các sách Trích-quái, thì thuyết sau có lẽ phải hơn. Tháng ba về cuối mùa xuân, nước không sâu mấy; người chấp sự kẻ dò-tùy, thấy đều lội nước; hoặc đến vai, hoặc đến rốn, hoặc ngập cổ chân, cò mở trống rong, đàn sáo tưng bừng, tàn quạt phấp-phới, thẳng hàng mà qua sông. Lạ mắt thay! vui tai thay! Hai bên bờ sông, người đông như kiến, quần áo như nêm, muôn mắt chú vào đám rước, thật là một hội vui nhất vùng dò. Khi đám rước đã lên bờ, bèn qua trước miếu

Cót, rồi theo con đường làng Thượng (Yên-hòa) bên sông Tô, mà đến đền Hoa-lãng. Dọc đường, qua đền Đại-diên, bên đứng cách độ vài trăm bước, phất cờ, múa gậy, nhắm thẳng vào đền ông ấy, thối nhạc quân, đốt pháo lệnh, làm như giao-chiến với quân thù. Người làng thờ Đại-diên cũng bày trận giả, làm như ứng-binh. Người xem chật đường, tiếng reo inh-ỏi, lại là một cuộc vui nữa. Chiều đến, rước về, cũng làm như thế.

Trước hôm đó, rước đến làng Mộc, châu miếu Thành-phụ. Song, chỉ rước kiệu không chứ không rước tượng như khi đi châu thánh-mẫu. Khi nào gặp năm hạn hán, quan địa-hạt có sức đảo-vũ, thì bảy giờ mới rước tượng thần đến châu. Chiều trở về, thường được mưa; nên đã thành lệ. Bầy long-nghi đến châu mẹ, gặp hạn hán rước thăm cha, cái tự-diễn ban đầu của làng Làng. Kể cũng khó hiểu.

Trên Sài-sơn, có ngọn chùa, xưa gọi là chùa Phúc-lâm, nay gọi là chùa Sơn-dính. Chùa dầu hẹp, nhưng có vẻ u-nhã cổ-kính. Trong chùa cũng đặt hai pho tượng: một pho ở gian giữa; một pho ở bên tả, do làng Đa-phúc thờ riêng.

Dưới chân núi, lại có chùa, xưa gọi là Hương-hải-am, nay gọi là chùa Thiên-phúc, tức chỗ đức Từ tu trì ngày xưa vậy. Trong chùa có cái chánh-tâm, một gian hai chái, tượng-chuyển là do đức Từ dựng nên.

Đến đời Lê, em gái bà Nguyên-phi vợ Trịnh-minh-vương xuất gia tu-hành ở đấy. Quy-mô chùa đó rất là rộng rãi. Trong đặt ba pho tượng: hoặc đi tu, hoặc làm vua, mỗi pho ăn mặc một khác. Chỉ có một pho là do người Minh ngày trước thiêu sả-lị đức Từ mà đắp nên. Tượng đặt trong khám, khám khoá rất kỹ. Hàng năm, cứ đến mồng năm tháng ba, cắt người làm lễ mộc-dục, mới được phép mở; ngoại ra, không ai được rờ vào đó. Đồ thờ có hai con hạc gỗ và hai pho lực-sĩ chiêm-thành, đều làm vào khoảng, niên-hiệu Vĩnh hựu đời Lê Ý-Tôn. Chùa đó thuộc bốn xã Thụy-kê Đa-phúc, Khánh-tân và Sài-kê ở quanh núi cùng thờ-phụng Hằng năm, vào đám, trùng ngày với hội Lăng. Đó là ngày đức Từ viên-tịch ở trong núi, mà tức là ngày vua Lý-Thần-Tôn giáng sinh vậy. Khách thập-phương nô-nức đi xem, hoặc vào chùa hảnh-hương, hoặc lên núi văn cảnh, hoặc quanh đến coi rước, chùa xen cây, người chen đá, chỗ thấp chỗ cao, chỗ thưa chỗ nhật, trông xa chẳng khác bức tranh treo lưng chừng trời.

Than ôi! sắc không mấy độ, hương lửa ba sinh, khi đi tu, khi làm vua, khi hiển thánh, kể cũng kỳ thật! Cho nên, từ Lý đến nay, đã trắng bay hương nón xanh tạc dấu, khi thiêng bằng-bạc nước non nhà.

(Nhớ ngày mồng bảy tháng ba,

(Trở vào hội Lăng, trở ra hội Thầy.)

Nhờ-i Kính Khải

Tên tôi Như-Tùng là chủ-tăng ở chùa Sài-Sơn có nhờ-i kính khải như sau này: Tôi nay có hưng công sửa sang việc Phúc-quả, tưởng cũng là việc công trình nhơn. 1. San khắc một bộ kinh. Mục là (Sài-sơn thánh tổ đại thừa chân kinh.) 2. Khắc một bộ Sài-sơn thánh tích thực lục. 3. Khắc một bộ thể. 4. Khắc một bộ thơ của các bậc danh hiền đề vịnh Sài-sơn xưa nay, mục là (Sài-sơn thi lục) 5. Tàn chế hương án, cửa võng đại tự hoành biển, đối liên các hạng, cùng sửa sang nội tự các sở. 6. Trù sửa một con đường tự dưới đất đi lên trên núi. 7. Trù tạo một tòa nhà tổ.

Các việc ấy phí tổn nhiều lắm, mà hiện nay chùa có không được là bao, mong sao được hoàn toàn việc phúc. Đã vậy có câu rằng : hạp mây nên mưa, tích gia thành ảo, nhờ-i đó là lẽ-thường. Nhưng đương thời đại văn minh tiến hóa nay mà đem nói đến việc tôn-giáo-thần-quyền-âm-chất, chẳng cũng què lắm, cổ lắm, mà khó nói lắm du.

Song thiết nghĩ : từ khai-thiên lập-địa tới nay, văn minh như Âu Mỹ cũng vẫn có thần-quyền để duy-trì nhân-tâm; Cường thịnh như Nhật bản ở Á-đông, cũng vẫn suy diễn phát-đạo để mở rộng đường bác ái. Nước Nam ta 4000 năm nay, bao giờ cũng vẫn

có tôn-giáo thần-quyền, đã có tôn-giáo thần-quyền
thời phải trọng âm-chất. Càng văn minh càng nên
trọng thần-quyền có âm-chất thời phải trọng tôn-giáo,
thể thời việc phật thần chung kính thờ chung, đức
là nghĩa-vụ chung vậy.

Phương chi, chùa Sài-sơn là một cảnh danh thắng
của nước nam ta, nghìn năm về trước có đức thánh-
Tứ tu luyện ở đó, tới nay dấu hóa vẫn còn, dấu dấu
cũng đã biết tiếng, nói cảnh thiên nhiên là một cảnh
đẹp trong nước. Vậy thì tô điểm non sông trong Tổ-
Quốc, cũng là chức trách của quốc-dân ta. Vậy thì
theo cảnh thiên nhiên, thêm công từ bỏ, muốn công
đức trung cùng thiên hạ. há phải bán danh cầu phúc,
mượn tôn-giáo mà lấy sự lợi riêng đâu. Nay đem
việc phúc-quả mà kính đặt mấy các vị danh hiền,
các nhà thiện tín, đã đăng lâm biết cảnh biết chùa,
lại có hăng tâm hăng sẵn, cùng phát tâm chớ cùng
thời may quả phúc cũng có thể viên thành được.
Nên giám có mấy lời kính tự. Còn như làm phúc
được phúc, báo ứng nhẽ thường, thời tới không
phải nói.

Tên cúng và tiền cúng sin lánh đề sang quyền sở
công đức. Hải nội danh hiền, thập phương thiện tín
nhã giám.

Sơn-tây...Như tùng kính tự. Mậu

IMPRIMERIE MINSANG đư T.B. CAY
49 ,Bà Francis Garnier, HANOI

1931